

JAF九州ジムカーナ選手権 成績表													
順位		所属クラブ	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	獲得合計	有効点数
	PN3クラス	3台以上3戦以上成立	2/22 CRMC	3/22 T-XT	4/19 RTCR	5/10 RC熊本	6/7 RC-大分	6/28 T-OM	7/26 V	8/30 TOBIUME	9/27 RASCAL		
		(出走台数)	6台	9台	6台	7台	7台	9台	9台	9台			
1	高木 紳一	CRMC	-	15	20	20	20	20	15	12		122	
2	ユウキ	GRP	20	20	6	15	8	-	20	20		109	
3	藤澤 卓弘	RC-大分	15	6	-	10	-	15	6	8		60	
4	米田 泰章	KPLR	10	12	12	8	6	6	-	4		58	
5	富田 保博	RC熊本	12	8	-	-	10	12	4	10		56	
6	佐藤 裕	RTCR	R	R	-	12	15	8	12	6		53	
7	阿比留 慎一	RTCR	-	4	-	6	12	10	8	3		43	
8	守田 寿樹	BATTLER	8	3	10	-	4	3	3	2		33	
9	安河内 茂喜	GRAVEL	-	10	8	4	-	2	2	-		26	
10	早田 洋介	RC-大分	-	-	15	-	-	-	-	-		15	
10	伊達 祐希	JMRC九州所属無	-	-	-	-	-	-	-	15		15	
12	松尾 遙	97s.	-	-	-	-	-	-	10	-		10	
13	山家 丈夫	C&C	-	-	-	-	-	4	-	-		4	

JMRC九州ジムカーナ チャンピオンシリーズ 成績表													
順位		所属クラブ	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	獲得合計	有効点数
	PN3クラス	3台以上3戦以上成立	2/22 CRMC	3/22 T-XT	4/19 RTCR	5/10 RC熊本	6/7 RC-大分	6/28 T-OM	7/26 V	8/30 TOBIUME	9/27 RASCAL		
		(出走台数)	6台	9台	6台	7台	7台	9台	9台	8台			
1	高木 紳一	CRMC	-	15	20	20	20	20	15	15		125	
2	ユウキ	GRP	20	20	6	15	8	-	20	20		109	
3	藤澤 卓弘	RC-大分	15	6	-	10	-	15	6	10		62	
4	米田 泰章	KPLR	10	12	12	8	6	6	-	6		60	
5	富田 保博	RC熊本	12	8	-	-	10	12	4	12		58	
6	佐藤 裕	RTCR	R	R	-	12	15	8	12	8		55	
7	阿比留 慎一	RTCR	-	4	-	6	12	10	8	4		44	
8	守田 寿樹	BATTLER	8	3	10	-	4	3	3	3		34	
9	安河内 茂喜	GRAVEL	-	10	8	4	-	2	2	-		26	
10	早田 洋介	RC-大分	-	-	15	-	-	-	-	-		15	
11	松尾 遙	97s.	-	-	-	-	-	-	10	-		10	
12	山家 丈夫	C&C	-	-	-	-	-	4	-	-		4	

JAF九州ジムカーナ選手権 成績表													
順位		所属クラブ	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	獲得合計	有効点数
	PN4クラス	3台以上3戦以上成立	2/22 CRMC	3/22 T-XT	4/19 RTCR	5/10 RC熊本	6/7 RC-大分	6/28 T-OM	7/26 V	8/30 TOBIUME	9/27 RASCAL		
		(出走台数)	4台	3台	0台	0台	4台	0台	0台	4台			
1	山家 丈夫	C&C	20	20	不	不	20	不	不	15		75	
2	古賀 雄一	RAPS	12	15			12			12		51	
3	榎田 努	JMRC九州所属無	15	-	成	成	15	成	成	20		50	
4	古賀 一矢	RAPS	-	12			10			10		32	
5	矢野 史門	TCF	10	-	立	立	-	立	立	-		10	

JMRC九州ジムカーナ チャンピオンシリーズ 成績表													
順位		所属クラブ	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	獲得合計	有効点数
	PN4クラス	3台以上3戦以上成立	2/22 CRMC	3/22 T-XT	4/19 RTCR	5/10 RC熊本	6/7 RC-大分	6/28 T-OM	7/26 V	8/30 TOBIUME	9/27 RASCAL		
		(出走台数)	3台	3台	0台	0台	3台	0台	0台	3台			
1	山家 丈夫	C&C	20	20	不	不	20	不	不	20		80	
2	古賀 雄一	RAPS	15	15	成	成	15	成	成	15		60	
3	古賀 一矢	RAPS	-	12	立	立	12	立	立	12		36	
4	矢野 史門	TCF	12	-			-			-		12	